TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24.01.2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Chi
2. Bà Huỳnh Thị Lệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 385/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Nguyễn Quỳnh Tiên - Sinh năm 1990; Nơi cư trú: tổ 55, phường A, quận T, thành phố Đ, (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông La Xuân K - Sinh năm 1988, Nơi cư trú: Tổ 69, phường H, quận L, thành phố Đ, (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2017, Bản tự khai ngày 13 tháng 10 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trần Nguyễn Quỳnh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông La Xuân K tự nguyện kết hôn vào năm 2011; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn, bà và ông K chung sống tại nhà chồng – tổ 69, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Được 3- 4 tháng, thì vợ chồng chuyển về sống tại 70 Lê Thị Tính, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng - là nhà của cha mẹ bà T.

Trong quá trình chung sống, giữa bà và ông K đã phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2015. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống; ông K ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình; từ đó, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Từ giữa năm 2015, bà và ông K đã sống ly thân, phần ai nấy sống.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông K, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

- Về con chung: Bà xác định bà và ông K có 01 con chung tên là La Trần Bảo Anh - Sinh ngày 23 tháng 8 năm 2013. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định bà và ông K không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông La Xuân K không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và không tham gia các phiên hòa giải. Tại phiên tòa, ông K vắng mặt lần hai, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông La Xuân K, nhưng tại phiên tòa ông K vẫn vắng mặt lần hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2] Về nội dung: Bà Trần Nguyễn Quỳnh T và ông La Xuân K đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông K, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông K không có văn bản phản đối yêu cầu của bà T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, quan điểm sống; ông K ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi cả. Giữa vợ chồng đã có khoảng thời gian sống ly thân, nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Việc ông K không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng đã thể hiện ông K không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T đối với ông K, xử cho bà T được ly hôn với ông K.

Về con chung*:* Bà T và ông K có 01 con chung tên là La Trần Bảo Anh - Sinh ngày 23 tháng 8 năm 2013. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung .

Xét, con chung còn nhỏ tuổi, rất cần sự chăm sóc, nuôi dạy của mẹ, ông K không thể hiện ý kiến mong muốn nuôi con nên Hội đồng xét xử cần giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông K không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Trần Nguyễn Quỳnh T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Nguyễn Quỳnh T đối với ông La Xuân K về việc "Tranh chấp ly hôn".

* Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà T được ly hôn với ông K.

* Về con chung:

Xử: Giao con chung La Trần Bảo Anh - Sinh ngày 23 tháng 8 năm 2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*Đủ 18 tuổi*). Ông K không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông K không có tài sản chung, không nợ của ai và không có ai nợ của ông bà.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Trần Nguyễn Quỳnh T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn ngàn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0000594 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường Xuân Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy